SỞ Y TẾ TUYÊN QUANG
TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN CHIÊM HÓA

Số: 643/TTYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chiêm Hóa, ngày 18 tháng 11 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ
May trang phục Y tế cho cán bộ, viên chức, người lao động và đồ dùng trong phòng mổ tại Trung tâm Y tế huyện Chiêm Hóa năm 2024

Kính gửi: Quý công ty, các đơn vị kinh doanh

Hiện nay, Trung tâm Y tế huyện Chiêm Hóa đang có nhu cầu May trang phục Y tế cho cán bộ, viên chức, người lao động, quần áo bệnh nhân và đồ dùng trong phòng mổ tại Trung tâm Y tế huyện Chiêm Hóa năm 2024. Vì vậy, Trung tâm Y tế huyện kính mời các Công ty, các đơn vị kinh doanh có đủ điều kiện về năng lực cung ứng dịch vụ May trang phục Y tế cho cán bộ, viên chức, người lao động và đồ dùng trong phòng mổ tại Trung tâm Y tế huyện Chiêm Hóa năm 2024 để tham gia gửi bản chào giá đến Trung tâm Y tế huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Chiêm Hóa

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Bộ phận văn thư thuộc Phòng Tổ chức - Điều dưỡng - Kiểm soát nhiễm khuẩn

- Số điện thoại văn thư: 0984.551.694

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Báo giá hàng hoá kèm bản phô tô giấy phép kinh doanh được cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Nhận trực tiếp hoặc đường chuyển phát nhanh tại địa chỉ: Trung tâm Y tế huyện Chiêm Hóa, Tổ Vĩnh Lim, thị trấn Vĩnh Lộc, Chiêm Hóa, Tuyên Quang.

4. Thời hạn khảo sát và tiếp nhận báo giá: Từ 8h00 ngày 18 tháng 11 năm 2024 đến trước 17h00 ngày 22 tháng 11 năm 2024.

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không có hiệu lực.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 60 ngày, kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục và yêu cầu đáp ứng của hàng hóa như sau:

- Giá chào là giá trọn gói đã bao gồm chi phí máy mới, nhân công lắp ráp, các loại linh kiện kèm theo và các loại thuế, phí theo quy định hiện hành

- Công ty tham gia chào giá phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, khi nộp bảng chào giá. Trong bảng chào giá phải ghi rõ hiệu lực của giá chào.

- Bảng chào giá phải được bỏ phong bì, niêm phong kín miệng bao để bảo mật và tạo sự khách quan trong việc mời chào giá cạnh tranh.

- Các công ty tham gia chào giá phải chịu hoàn toàn về tính pháp lý, hoạt động kinh doanh, phạm vi hoạt động và các quy định khác của pháp luật.

- Bảng chào giá phải ghi rõ nội dung ngoài phong bì để tiện theo dõi

- Báo giá theo mẫu Phụ lục II đính kèm thư mời chào giá này.

2. Địa điểm lắp đặt: Tại các Trạm Y tế xã, thị trấn, Phòng khám Đa khoa khu vực thuộc Trung tâm Y tế huyện Chiêm Hóa, tổ Vĩnh Lim, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (Phụ lục I).

3. Thời gian thực hiện: Tháng Quý IV/2024.

Trung tâm Y tế huyện Chiêm Hóa xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Phòng TC-KH (đăng tải);
- Website Trung tâm Y tế;
- Lưu: VT, HST.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH TUYÊN QUANG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CHIÊM HÓA

Hà Văn Linh

DANH MỤC CHI TẾT

May trang phục Y tế cho cán bộ, viên chức, người lao động, quần áo bệnh nhân và đồ vải tại Trung tâm Y tế huyện Chiêm Hóa năm 2024

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Quy cách, tiêu chuẩn	Yêu cầu về thông số kỹ thuật vải	Số lượng
1	Quần áo Blu mùa hè của Bác sỹ	Bộ	1. Áo a) Màu sắc: Màu trắng; Chất liệu: Vải Lon Italy loại 1; b) Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, kiểu ngắn tay, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. Thêu Logo Trung tâm Y tế phía ngực trái 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; Chất liệu: Vải Lon Italy loại 1; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.	**Thành phần nguyên liệu:** (53 ± 1)% Polyeste, (47 ± 1) % Cotton (bông). **Mật độ**: dọc (sợi/10cm):530 ± 2, Ngang (sợi:/10cm):430±2 **Độ bền kéo đứt:** Dọc: 815 ± 2 (N), Ngang: 627 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế:** 142g/m2 ± 2.	79
2	Quần áo Blu mùa hè của Điều dưỡng	Bộ	1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: - Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; Thêu Logo Trung tâm Y tế phía ngực trái - Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1	**Thành phần nguyên liệu:** (53 ± 2)% Polyeste, (47 ± 2) % Cotton (bông). **Mật độ:** dọc (sợi/10cm):530 ± 2, Ngang (sợi:/10cm):430 ± 2 **Độ bền kéo đứt**: Dọc: 815 ± 2 (N), Ngang: 627 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế:** 142g/m2 ± 2.	88

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Quy cách, tiêu chuẩn	Yêu cầu về thông số kỹ thuật vải	Số lượng
			túi sau.		
3	Quần áo blu hè KTV	Bộ	1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. Thêu Logo Trung tâm Y tế phía ngực trái 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo.	**Thành phần nguyên liệu:** (53 ± 2)% Polyeste, (47 ± 2) % Cotton (bông). **Mật độ:** dọc (sợi/10cm):530 ± 2, Ngang (sợi:/10cm):430 ± 2 **Độ bền kéo đứt:** Dọc: 815 ± 2 (N), Ngang: 627 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế:** 142g/m2 ± 2.	27
4	Quần áo Blu mùa hè của hộ lý	Bộ	1. Áo: a) Màu sắc: Màu xanh hòa bình; b) Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông; phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Thêu Logo Trung tâm Y tế phía ngực trái 2. Quần: a) Màu sắc: Màu xanh hòa bình; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo.	**Thành phần nguyên liệu**: (53 ± 2)% Polyeste, (47 ± 2) % Cotton (bông). **Mật độ:** dọc (sợi/10cm):530 ± 2, Ngang (sợi:/10cm):430 ± 2 **Độ bền kéo đứt:** Dọc: 815 ± 2 (N), Ngang: 627 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế:** 142g/m2 ± 2.	4
5	Quần, áo Blu mùa	Bộ	1. Áo:	**Thành phần nguyên liệu:** (53 ± 2)%	9

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Quy cách, tiêu chuẩn	Yêu cầu về thông số kỹ thuật vải	Số lượng
	hè của Dược sỹ		a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. Thêu Logo Trung tâm Y tế phía ngực trái 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo.	Polyeste, (47 ±2) % Cotton (bông). **Mật độ:** dọc (sợi/10cm):530 ± 2, Ngang (sợi:/10cm):430 ± 2 **Độ bền kéo đứt**: Dọc: 815 ± 2 (N), Ngang: 627 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế:** 142g/m2 ± 2.	
6	Quần áo Blu mùa hè của Hộ sinh	Bộ	1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: - Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; - Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. Thêu Logo Trung tâm Y tế phía ngực trái 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.	**Thành phần nguyên liệu:** (53 ± 2)% Polyeste, (47 ± 2) % Cotton (bông). **Mật độ:** dọc (sợi/10cm):530 ± 2, Ngang (sợi:/10cm):430 ± 2 **Độ bền kéo đứt:** Dọc: 815 ± 2 (N), Ngang: 627 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế:** 142g/m2 ± 2.	16

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Quy cách, tiêu chuẩn	Yêu cầu về thông số kỹ thuật vải	Số lượng
7	Áo, quần công sở hành chính mùa hè	Bộ	1. Áo: a) Màu sắc: Màu sáng; b) Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay. Đối với nhân viên nữ, khuyến khích mặc trang phục áo dài truyền thống. 2. Quần đối với nam; quần hoặc chân váy đối với nữ: a) Màu sắc: Màu sẫm; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Chân váy kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối.	**Áo:** **Thành phần nguyên liệu:** (40,3 ± 2)% Polyeste, (59,7 ± 2)% Bông **Mật độ:** Dọc (sợi/10cm) 554 ± 2, Ngang (sợi/10cm) 296 ± 2. **Độ bền kéo đứt:** Dọc 640 ± 2 (N), Ngang 241 ± 2(N). **Khối lượng thực tế:** 122 ± 2 (g/m2). **Quần:** **Thành phần nguyên liệu:** (98 ± 2)% bông , (2 ± 2)% spandex **Mật độ:** Dọc (sợi/10cm) 618 ± 2, Ngang (sợi/10cm) 248 ± 2. **Khối lượng thực tế:** 225 ± 2 (g/m2). **Độ bền kéo đứt**: Dọc (N) 906 ± 2, Ngang (N) 703 ± 2	24
8	Quần áo Blu mùa đông của Bác sỹ	Bộ	1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. Thêu Logo Trung tâm Y tế phía ngực trái 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.	**Thành phần nguyên liệu:** (23 ± 2)% Polyeste, (77 ± 2)% Cotton (Bông) **Mật độ:** Hàng vòng/10cm 152 ± 2, cột vòng/10cm 112 ± 2 **Độ bền kéo đứt:** Dọc 324 ± 2 (N), Ngang 376 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế:** 289 ± 2 (g/m2).	79

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Quy cách, tiêu chuẩn	Yêu cầu về thông số kỹ thuật vải	Số lượng
			3. Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo.		
9	Quần áo blu mùa đông Điều dưỡng	Bộ	1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: - Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; - Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. Thêu Logo Trung tâm Y tế phía ngực trái 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.	**Thành phần nguyên liệu**: (23 ± 2)% Polyeste, (77 ± 2)% Cotton (Bông) **Mật độ:** Hàng vòng/10cm 152 ± 2, cột vòng/10cm 112 ± 2 **Độ bền kéo đứt:** Dọc 324 ± 2 (N), Ngang 376 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế:** 289 ± 2 (g/m2).	88
10	Quần áo Blu mùa đông của Kỹ thuật Y	Bộ	1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Thêu Logo Trung tâm Y tế phía ngực trái 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo.	**Thành phần nguyên liệu:** (23 ± 2)% Polyeste, (77 ± 2)% Cotton (Bông) **Mật độ:** Hàng vòng/10cm 152 ± 2, cột vòng/10cm 112 ± 2 **Độ bền kéo đứt:** Dọc 324 ± 2 (N), Ngang 376 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế:** 289 ± 2 (g/m2).	27
11	Quần áo Blu mùa	Bộ	1. Áo:	**Thành phần nguyên liệu:** (23 ± 2)%	4

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Quy cách, tiêu chuẩn	Yêu cầu về thông số kỹ thuật vải	Số lượng
	đông của hộ lý		a) Màu sắc: Màu xanh hòa bình; b) Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông; phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Thêu Logo Trung tâm Y tế phía ngực trái 2. Quần: a) Màu sắc: Màu xanh hòa bình; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo.	Polyeste, (77 ± 2)% Cotton (Bông) **Mật độ:** Hàng vòng/10cm 152 ± 2, cột vòng/10cm 112 ± 2 **Độ bền kéo đứt:** Dọc 324 ± 2 (N), Ngang 376 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế:** 289 ± 2 (g/m2).	
12	Quần, áo Blu mùa đông của Dược sỹ	Bộ	1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. Thêu Logo Trung tâm Y tế phía ngực trái 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo.	**Thành phần nguyên liệu**: (23 ± 2)% Polyeste, (77 ± 2)% Cotton (Bông) **Mật độ:** Hàng vòng/10cm 152 ± 2Mật độ: cột vòng/10cm 112 ± 2 **Độ bền kéo đứt:** Dọc 324 ± 2 (N), Ngang 376 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế**: 289 ± 2 (g/m2).	9
13	Quần áo Blu mùa đông của Hộ sinh	Bộ	1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng:	**Thành phần nguyên liệu:** (23 ± 2)% Polyeste, (77 ± 2)% Cotton (Bông) **Mật độ:** Hàng vòng/10cm 152 ± 2, cột	16

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Quy cách, tiêu chuẩn	Yêu cầu về thông số kỹ thuật vải	Số lượng
			- Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; - Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. Thêu Logo Trung tâm Y tế phía ngực trái 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.	vòng/10cm 112 ± 2 **Độ bền kéo đứt**: Dọc 324 ± 2 (N), Ngang 376 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế:** 289 ± 2 (g/m2).	
14	Áo, quần công sở hành chính mùa đông	Bộ	1. Áo: a) Màu sắc: Màu sáng; b) Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay. Đối với nhân viên nữ, khuyến khích mặc trang phục áo dài truyền thống. Thêu Logo Trung tâm Y tế phía ngực trái 2. Quần đối với nam; quần hoặc chân váy đối với nữ: a) Màu sắc: Màu sẫm; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Chân váy kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối.	**Áo:** **Thành phần nguyên liệu**: (51 ± 2) % Polyeste, (49 ± 2)% Cotton (bông). **Mật độ:** dọc (sợi/10cm):583 ± 2, Ngang (sợi:/10cm):392 ± 2 **Độ bền kéo đứt:** Dọc: 882 ± 2 (N), Ngang: 512 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế:** 138 ± 2 g/m2. **Quần:** Vải co giãn 4 chiều: **Thành phần nguyên liệu:** (98 ± 2)% bông , (2 ± 2)% spandex **Mật độ:** Dọc (sợi/10cm) 618 ± 2, Ngang (sợi/10cm) 248 ± 2. **Khối lượng thực tế:** 225 ± 2 (g/m2). **Độ bền kéo đứt:** Dọc (N) 906 ± 2, Ngang (N) 703 ± 2	24
15	Quần áo Blu mùa	Bộ	1. Áo:	**Thành phần nguyên liệu:** (53 ± 2)%	95

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Quy cách, tiêu chuẩn	Yêu cầu về thông số kỹ thuật vải	Số lượng
	hè của Y sỹ		a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: - Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; - Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. Thêu Logo Trung tâm Y tế phía ngực trái 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.	Polyeste, (47 ± 2) % Cotton (bông). **Mật độ:** dọc (sợi/10cm):530 ± 2, Ngang (sợi:/10cm):430 ± 2 **Độ bền kéo đứt:** Dọc: 815 ± 2 (N), Ngang: 627 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế:** 142g/m2 ± 2.	
16	Quần áo Blu mùa đông của Y sỹ	Bộ	1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: - Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; - Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. Thêu Logo Trung tâm Y tế phía ngực trái 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.	**Thành phần nguyên liệu:** (23 ± 2)% Polyeste, (77 ± 2)% Cotton (Bông) **Mật độ:** Hàng vòng/10cm 152 ± 2, cột vòng/10cm 112 ± 2 **Độ bền kéo đứt:** Dọc 324 ± 2 (N), Ngang 376 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế:** 289 ± 2 (g/m2).	95
17	Áo Choàng mổ	Cái	Quy cách: Áo choàng dài tay, Thân trước liền, thân sau mở buộc dây cổ tròn hoặc cổ tàu 3 phân, túi giữa áo thân trước, khẩu trang liền hoặc rời. chiều dài tới gót chân. (theo mẫu của viện.)	**Thành phần nguyên liệu:** (65 ± 2)% Polyeste, (35 ± 2)% Visco **Mật độ:** Dọc (sợi/10cm) 298 ± 2, Ngang (sợi/10cm) 256 ± 2.	200

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Quy cách, tiêu chuẩn	Yêu cầu về thông số kỹ thuật vải	Số lượng
				Độ bền kéo đứt: Dọc 915 ± 2(N), Ngang 802 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế:** 165 ± 2 (g/m2).	
18	Xăng nội soi	Cái	Chất liệu: Vải KaKi Màu sắc: Màu xanh Kích thước: 1,2 x 1,5m	**Thành phần nguyên liệu**: (65 ± 2) % Polyeste, (35 ± 2)% Visco **Mật độ:** Dọc (sợi/10cm) 480 ± 2, Ngang (sợi/10cm) 220 ± 2. **Độ bền kéo đứt**: Dọc 2355 ± 2 (N), Ngang 998 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế:** 307 ± 2 (g/m2).	200
19	Xăng nội soi	Cái	Chất liệu: Vải KaKi Màu sắc: Màu xanh Kích thước: 1,5x1,5m	**Thành phần nguyên liệu**: (65 ± 2) % Polyeste, (35 ± 2)% Visco **Mật độ:** Dọc (sợi/10cm) 480 ± 2, Ngang (sợi/10cm) 220 ± 2. **Độ bền kéo đứt**: Dọc 2355 ± 2 (N), Ngang 998 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế:** 307 ± 2 (g/m2).	200
20	Xăng sơ sinh	Cái	Kích thước: 0,8 x 0,8m	**Thành phần nguyên liệu**: (65 ± 2) % Polyeste, (35 ± 2)% Visco **Mật độ:** Dọc (sợi/10cm) 480 ± 2, Ngang (sợi/10cm) 220 ± 2. **Độ bền kéo đứt**: Dọc 2355 ± 2 (N), Ngang 998 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế:** 307 ± 2 (g/m2).	100
21	Gạc có đuôi	Cái	Kích thước: 30cm x 30cm	Màu trắng, gạc mịn, may 10 lớp, Sợi bông 100%	1000
22	Quần áo bệnh	Bộ	1. Áo:	**Thành phần nguyên liệu** : (47,5 ± 2)%	40

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Quy cách, tiêu chuẩn	Yêu cầu về thông số kỹ thuật vải	Số lượng
	nhân trẻ em 1 – 2 tuổi		+ Màu sắc: Màu xanh lơ + Kiểu dáng: Áo kiểu pyjama, cổ hai ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang mông. In Logo Trung tâm ở ngực trái 2. Quần: + Màu sắc: Màu xanh lơ + Kiểu dáng: Quần hai ly	Polyeste, (51,2 ± 2)% Visco, (1,3 ± 2)% Spandex **Mật độ:** Dọc (sợi/10cm) 564 ± 2 Ngang (sợi/10cm) 330 ± 2. **Độ bền kéo đứt:** Dọc 943 ± 2(N), Ngang 510 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế:** 159 ± 2 (g/m2).	
23	Quần áo bệnh nhân 3 – 5 tuổi	Bộ	1. Áo: + Màu sắc: Màu xanh lơ + Kiểu dáng: Áo kiểu pyjama, cổ hai ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang mông. In Logo Trung tâm ở ngực trái 2. Quần: + Màu sắc: Màu xanh lơ + Kiểu dáng: Quần hai ly	**Thành phần nguyên liệu** : (47,5 ± 2)% Polyeste, (51,2 ± 2)% Visco, (1,3 ± 2)% Spandex **Mật độ:** Dọc (sợi/10cm) 564 ± 2 Ngang (sợi/10cm) 330 ± 2. **Độ bền kéo đứt:** Dọc 943 ± 2(N), Ngang 510 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế:** 159 ± 2 (g/m2).	40
24	Quần áo bệnh nhân 50kg - 60kg	Bộ	1. Áo: + Màu sắc: Màu xanh lơ + Kiểu dáng: Áo kiểu pyjama, cổ hai ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang mông. In Logo Trung tâm ở ngực trái 2. Quần: + Màu sắc: Màu xanh lơ + Kiểu dáng: Quần hai ly	**Thành phần nguyên liệu** : (47,5 ± 2)% Polyeste, (51,2 ± 2)% Visco, (1,3 ± 2)% Spandex **Mật độ:** Dọc (sợi/10cm) 564 ± 2 Ngang (sợi/10cm) 330 ± 2. **Độ bền kéo đứt:** Dọc 943 ± 2(N), Ngang 510 ± 2 (N). **Khối lượng thực tế:** 159 ± 2 (g/m2).	200
25	Khăn tay phẫu thuật viên	Cái	- Kích thước: 30cm x 45cm	100% Cotton (Bông) Mật độ: Hàng vòng/10cm 170 Cột vòng/10cm 166. Khối lượng thực tế: 245 (g/m2). Kiểu dệt: Interlock	500

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Quy cách, tiêu chuẩn	Yêu cầu về thông số kỹ thuật vải	Số lượng
26	Chiếu bệnh nhân	Cái	- Kích thước: Dài: 2m. Rộng: 0,9m	Màu sắc: Hoa xanh, hoa nâu - Chất liệu: Nhựa dẻo	200